

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2026

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị Mỹ L, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1975 (có mặt);

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thị Mỹ L trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Nguyễn Hữu N chung sống với nhau vào ngày 17 tháng 3 năm 1995, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh

Nguyễn Hữu N có 02 người con chung tên: Nguyễn Hữu N1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1998 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2008, hiện nay đang chung sống với anh chị; Về tài sản chung, chị và anh Nguyễn Hữu N không có tài sản chung và nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Hữu N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh Nguyễn Hữu N thường xuyên đi ăn nhậu với bạn bè, về kiếm chuyện mắng chửi chị vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nhưng đến nay vẫn không dung hòa với nhau được, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay; chị và anh Nguyễn Hữu N không còn tình cảm vợ chồng. Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N; về quan hệ con chung, khi khởi kiện chị không biết yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, hiện nay 02 người con chung của anh chị đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Biên bản xác minh ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N xác lập hôn nhân và sinh sống tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. Chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N chung sống thường xuyên cự cãi với nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1998 và Nguyễn Nhật H, sinh năm 2008, hiện nay đã thành niên.

** Bị đơn anh Nguyễn Hữu N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Hữu N biết để anh có ý kiến về việc chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh nhưng anh Nguyễn Hữu N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* 02 Căn cước công dân tên Tạ Thị Mỹ L (Bản sao) và Nguyễn Hữu N (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn Tạ Thị Mỹ L và Nguyễn Hữu N ngày 17 tháng 3 năm 1995 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); 02 Giấy khai sinh Nguyễn Hữu N1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1998 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2008 (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú số: 001066/XN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Công an xã Đ, tỉnh An Giang (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 24 tháng 11 năm 2025 của chị Tạ Thị Mỹ L (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa

án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N; về quan hệ con chung, khi khởi kiện chị không biết yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, hiện nay 02 người con chung của anh chị đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Tạ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N. Về quan hệ con chung, chị Tạ Thị Mỹ L tự xác định con chung của anh chị đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị Tạ Thị Mỹ L tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hữu N. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu N biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Tạ Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N nhưng anh Nguyễn Hữu N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì

anh Nguyễn Hữu N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Hữu N, nhưng anh Nguyễn Hữu N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị Tạ Thị Mỹ L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Hữu N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 1995, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại luật hôn nhân gia đình năm 1986 và năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N, quá trình chung sống chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh Nguyễn Hữu N thường xuyên đi ăn nhậu với bạn bè, về kiếm chuyện mắng chửi chị vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nhưng đến nay vẫn không dung hòa với nhau được, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay, chị Tạ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N thì anh Nguyễn Hữu N không có ý kiến yêu cầu gì, không tham gia phiên họp, phiên tòa. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Mỹ L, cho chị Tạ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N có 02 người con chung tên: Nguyễn Hữu N1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1998 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2008, khi khởi kiện người con chung tên Nguyễn Nhật H chưa thành niên, hiện nay đã thành niên. Khi ly hôn, chị Tạ Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Tạ Thị Mỹ L tự xác định, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, anh chị không có nợ người khác, người khác

không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về quan hệ con chung: Chị Tạ Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hữu N có 02 người con chung tên: Nguyễn Hữu N1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1998 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2008, khi khởi kiện người con chung tên Nguyễn Nhật H chưa thành niên, hiện nay đã thành niên. Khi ly hôn, chị Tạ Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Tạ Thị Mỹ L tự xác định, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Tạ Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 302582 (Ký hiệu: BKTU/26) ngày 09 tháng 3 năm 2026 của

Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Chị Tạ Thị Mỹ L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24 tháng 6 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- UBND xã Đông Hòa, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo